

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DS-ST
Ngày 07 - 9 - 2023
V/v “T/c hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Hồi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hòe; Bà Lê Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa:
Ông Lâm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M (tên gọi khác: N), sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Điện T, xã Cư P, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn Điện T, xã Cư P, huyện Krông B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/4/2023, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M, trình bày:

Vào ngày 22/8/2021 bà M có cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 10.000.000 đồng.

Khi vay bà T viết giấy và ký nhận nợ, hai bên thỏa thuận lãi suất là 20%/năm nhưng không ghi vào giấy nợ, thời hạn trả nợ cuối năm 2021.

Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà T vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Nay bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà M toàn bộ số tiền gốc là 10.000.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 22/8/2021 đến ngày 22/3/2023 là 19 tháng ($10.000.000đ \times 1,67\% \times 19 \text{ tháng}$) với số tiền 3.137.000 đồng và yêu cầu bà T tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 23/3/2023 trên số nợ gốc với lãi suất 1,67%/tháng cho đến khi trả xong nợ gốc.

Bị đơn: bà Nguyễn Thị T có mặt tại nơi cư trú nhưng không hợp tác nên không thể làm việc được.

Tòa án đã thông qua Văn phòng thừa phát lại để tổng đạt cho bà T các văn bản tố tụng Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bà T trực tiếp ký nhận toàn bộ. Tuy nhiên, bà T đều vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành hòa giải được. Cán bộ Tòa án đến trực tiếp nhà bà T để tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà T đồng ý ký nhận và trình bày bằng miệng lý do không đến Tòa án làm việc là bà đã trả đủ tiền cho bà M nhưng do không lấy lại tờ giấy vay tiền nên bà M sử dụng để khởi kiện nên bà không đồng ý và không đến Tòa án để làm việc.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị HĐXX xem xét buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà M số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng. Về lãi suất, có thỏa thuận lãi suất và thỏa thuận cuối năm trả nợ nhưng không ghi vào giấy vay nên bà M chỉ yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày làm đơn khởi kiện là ngày 05/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 07/9/2023 là 05 tháng 02 ngày, tính 10%/năm ($10\% : 12 \text{ tháng} \times 10.000.000đ \times 5 \text{ tháng } 02 \text{ ngày}$), tiền lãi là 422.221 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng với quy định tại Điều 48 BLTTDS

và tiến hành các hoạt động tố tụng khác khi giải quyết vụ án theo đúng quy định của BLTTDS; Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục tổng đạt được đảm bảo đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

Về nội dung: Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện, cung cấp đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bị đơn không hợp tác, cố tình vắng mặt.

Qua chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và tòa án thu thập được công khai và kiểm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa thì có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị T có ký giấy vay của bà M số tiền 10.000.000 đồng, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463; 466; 468; 469 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng, bà M yêu cầu tính lãi suất từ ngày làm đơn khởi kiện là 05/4/2023 và mức 10%/năm là phù hợp, đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phần yêu cầu tính lãi từ ngày 22/3/2021 đến ngày 04/4/2023 và phần tính lãi vượt quá 10%/năm của nguyên đơn xin rút tại phiên tòa, đề nghị đình chỉ.

Bà Tuyên phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của đương sự cũng như qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa bà Nguyễn Thị M với bà Nguyễn Thị T, do bị đơn có nơi cư trú tại huyện Krông Bông nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Các văn bản tố tụng và quyết định hoãn phiên tòa đã tổng đạt trực tiếp cho bị đơn nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 22/8/2023 bà Nguyễn Thị M (tên gọi khác: N) có cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 10.000.000 đồng. Khi vay hai bên làm giấy vay tiền, trong giấy nợ hai bên không ghi lãi suất và thời hạn trả nợ. Bà M trình bày là hạn trả nợ là cuối năm 2021, bà M cho rằng cũng đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà T vẫn cố tình không trả nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng và lãi suất phát sinh.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà T, bà T ký nhận toàn bộ nhưng không đến Tòa án để hợp tác làm việc nên không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Đối với tờ giấy ghi nợ lúc bà T mượn tiền mà bà M cung cấp có chữ ký của bà Nguyễn Thị T, nội dung: “22/8/2021 T mượn chị N mười triệu 10.000.000đ, có ký và ghi Nguyễn Thị T”, chị N là tên gọi khác của bà M ghi là mượn tiền nhưng bản chất là vay tiền nên xác định là hợp đồng vay tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T không hợp tác để làm việc. Khi cán bộ tòa án đến nơi cư trú của bà T tổng đạt văn bản tố tụng thì bà T chỉ trình bày nhưng không làm bằng văn bản là có ký giấy mượn tiền của bà M với số tiền 10.000.000 đồng và đã trả đủ tiền gốc và lãi suất cho bà M nhưng chủ quan không lấy lại tờ giấy mượn tiền nên bà M căn cứ vào tờ giấy đó để khởi kiện nên bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M và không đến tòa án để làm việc. Tuy nhiên, bà T không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh nên không có căn cứ để HĐXX chấp nhận. Bà T trình bày là có ký giấy mượn tiền và cho rằng đã trả đủ nhưng không được bà M thừa nhận và không có chứng cứ gì để chứng minh. HĐXX xét thấy việc bà T ký giấy mượn tiền của vào M vào ngày 22/8/2021 là có thật nên yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ, cần được HĐXX chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả cho bà M khoản nợ gốc 10.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bà M yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày làm đơn khởi kiện là ngày 05/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 07/9/2023 là 05 tháng 02 ngày, tính 10/năm (10% : 12 tháng x 10.000.000đ x 5 tháng 02 ngày), tiền lãi là 422.221 là phù hợp nên được HĐXX chấp nhận.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà T phải trả lãi kể từ ngày 22/8/2021 đến ngày 04/4/2023 và mức lãi suất vượt quá 10%/năm đối với thời hạn tính từ ngày 05/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, do nguyên đơn xin rút tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là (10.422.221đ x 5%) 521.111 đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 144; Điều 147; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 241; 266; 267; Điều 271; Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463; 466; 468; 469 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T.

1. Buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị M tổng số tiền nợ gốc và lãi suất tính từ ngày 05/4/2023 đến ngày 07/9/2023 là 10.422.000 đồng (*Mười triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn đồng*) (lấy tròn số).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Theo quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.*

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 521.000 đồng (*Năm trăm hai mươi một nghìn đồng*) (lấy tròn số). Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị M số tiền 328.000 đồng (*Ba trăm hai mươi tám nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: 0013421 ngày 20/4/2023.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H Krông Bông;
- THADS H Krông Bông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Văn Hồi